

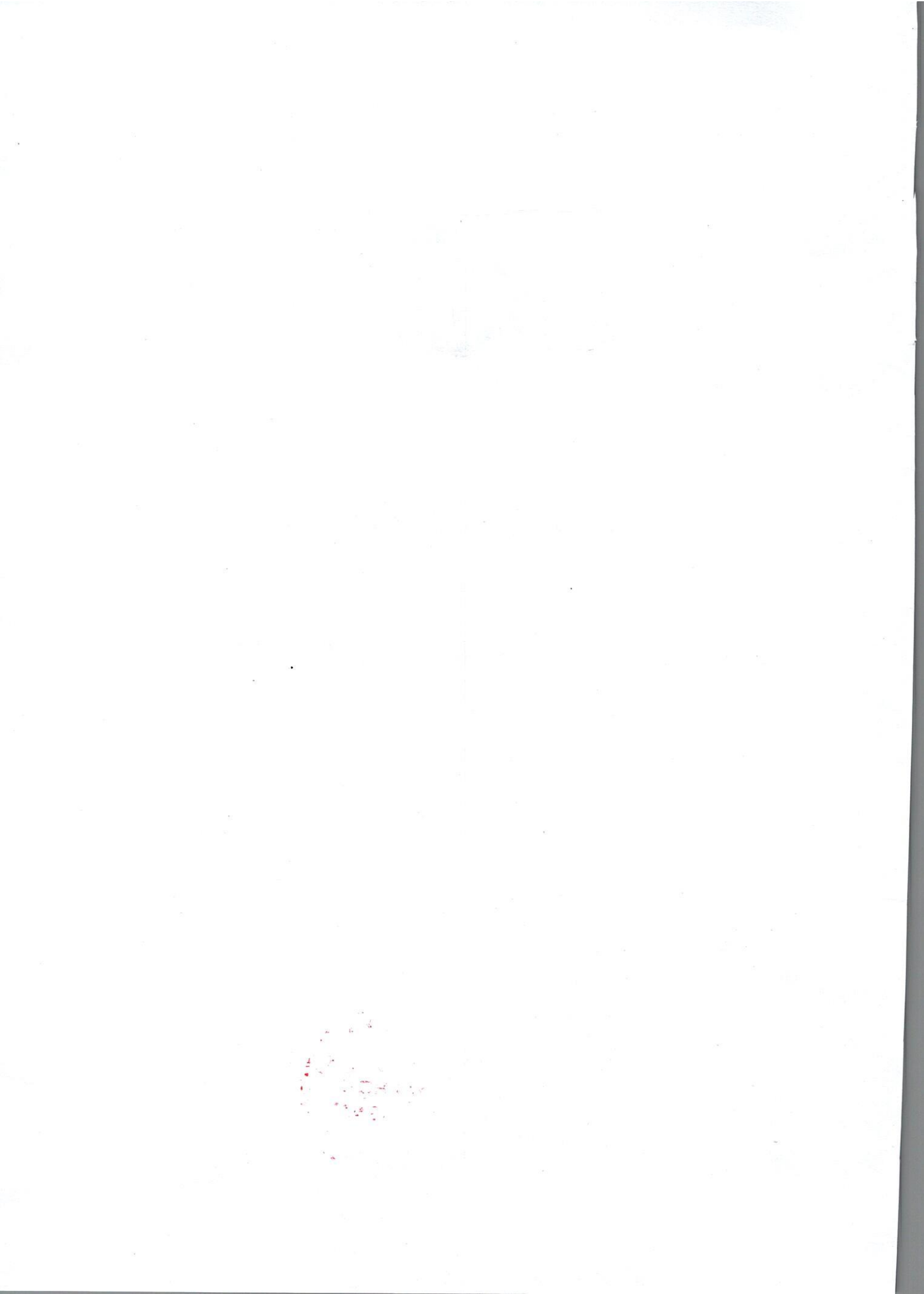
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN 2040

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-HĐT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại)

Hà Nội, tháng 12/2020



Số: 1468/QĐ-HĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2040**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội;
Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Giáo dục đại học 2012;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định
quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối
với đơn vị dự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định
cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 8/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về
việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHTM ngày 26/09/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại
học Thương mại về “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại”;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 11/12/2020 của Hội đồng trường
Trường Đại học Thương mại;

Xét đề nghị của Ông Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

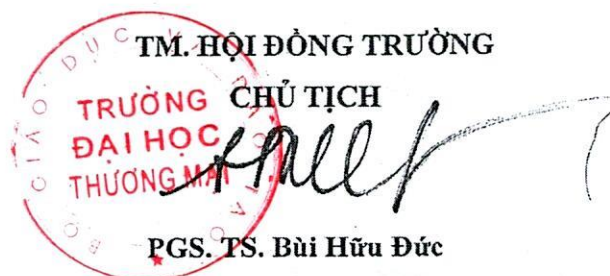
Điều 1. Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Thương mại giai đoạn
2021-2030, tầm nhìn 2040.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại, Trưởng các đơn vị trực thuộc
Trường; các tổ chức chính trị - xã hội trong Trường; viên chức và người lao động trong
Trường Đại học Thương mại và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu Văn thư.





DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải nghĩa
CNTT	Công nghệ thông tin
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CHV	Cao học viên
CTĐT	Chương trình đào tạo
CV	Chuyên viên
CVC	Chuyên viên chính
DN	Doanh nghiệp
ĐH	Đại học
ĐT	Đề tài
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
HTQG	Hội thảo quốc gia
HTQT	Hội thảo quốc tế
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PGS	Phó giáo sư
TLTK	Tài liệu tham khảo
Ths	Thạc sĩ
TMU	Thuongmai University
TS	Tiến sĩ
SDH	Sau đại học
SV	Sinh viên
R&D	Nghiên cứu và phát triển
VC, NVPV	Viên chức, nhân viên phục vụ

MỤC LỤC

Phần I:.....	1
BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG	1
1.1. Bối cảnh	1
1.2. Hiện trạng Trường Đại học Thương mại	2
1.3. Đánh giá chung	13
Phần II:	18
SỨ MẠNG, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TẦM NHÌN.....	18
<u>2.1.</u> Sứ mạng	18
<u>2.2.</u> Giá trị cốt lõi	18
<u>2.3.</u> Tầm nhìn đến 2040.....	18
Phần III:	20
CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	20
3.1. Mục tiêu chung.....	20
3.2. Mục tiêu phát triển các hoạt động	21
3.3. Mục tiêu phát triển các nguồn lực	24
Phần IV:.....	31
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	31
4.1. Cơ hội và thách thức.....	31
4.2. Quản trị trường đại học.....	33
4.3. Đào tạo.....	38
4.4. Nghiên cứu khoa học.....	38
4.5. Đối ngoại và hợp tác quốc tế	40
4.6. Nhân lực.....	42
4.7. Cơ sở vật chất.....	43
4.8. Tài chính	44
4.9. Các giải pháp khác	45

Phần I:

BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG

1.1. Bối cảnh

1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trong đó hội nhập kinh tế và giáo dục, đang diễn ra ở quy mô toàn cầu và đã trở thành xu thế tất yếu. Các quốc gia trên thế giới hợp tác và cạnh tranh để phát triển. Quá trình hội nhập quốc tế đã tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục. Cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ đến mọi hoạt động của nền kinh tế, xã hội và giáo dục của tất cả các quốc gia trên thế giới. Kinh tế tri thức ngày càng phát triển và tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

Giáo dục được coi là nền móng vững chắc để đưa nhân loại tiến lên, là vấn đề sống còn của các quốc gia. Giáo dục đại học thế giới phát triển rất nhanh chóng với những xu hướng biểu hiện rõ rệt. Các trường đại học trên thế giới và trong khu vực đã và đang tích cực đổi mới theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng hoá lĩnh vực đào tạo, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội, đổi mới nội dung, chương trình và áp dụng các phương pháp đào tạo và quản trị đại học tiên tiến. Xu hướng đại học mở trên thế giới ngày càng phát triển, cùng với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, giáo dục đại học không còn bị giới hạn bởi không gian, thời gian và có tác động trực tiếp đến giáo dục đại học của các quốc gia.

1.1.2. Bối cảnh trong nước

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Định hướng về đổi mới giáo dục đào tạo nói

chung và giáo dục đại học nói riêng là vai trò của nhà nước từ kiểm soát trực tiếp sang kiến tạo, giám sát; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, trách nhiệm giải trình đối với cơ sở giáo dục đại học; đổi mới quản trị đại học theo hướng hội nhập với thế giới. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế và thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua Việt Nam đã chủ động hội nhập khu vực và thế giới; từ tham gia ASEAN, APEC, gia nhập WTO, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do và hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho quá trình hội nhập giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Cùng với quá trình đổi mới đất nước, đổi mới giáo dục đại học cũng đã đạt được một số kết quả quan trọng. Thực hiện quá trình hội nhập giáo dục đại học với các nước trong khu vực và thế giới. Thực hiện đa dạng hoá các loại trường về mô hình và sở hữu, đa dạng hóa mục tiêu, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Áp dụng các công nghệ mới trong đào tạo và quản trị đại học. Phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành để đáp ứng yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Với định hướng hội nhập, trong đó có hội nhập về giáo dục đào tạo; Nhà nước cho phép tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là các trường đại học nước ngoài được phép liên doanh liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước và thành lập các trường đại học quốc tế tại Việt Nam, đã tạo nên một sự cạnh tranh không những giữa các trường đại học của Việt Nam, mà còn cạnh tranh trực tiếp với các trường đại học nước ngoài.

1.2. Hiện trạng Trường Đại học Thương mại

Trường Đại học Thương mại được thành lập vào năm 1960, tiền thân là Trường Thương nghiệp trung ương. Năm 1965, Trường bắt đầu làm nhiệm vụ đào tạo đại học. Năm 1979, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Thương nghiệp

và từ năm 1994 thành trường Đại học Thương mại. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, trường đã đào tạo được hàng trăm ngàn cán bộ có trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; đào tạo lại và bồi dưỡng hàng trăm ngàn cán bộ quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch cho đất nước; đã chủ trì thực hiện và tham gia nhiều đề tài NCKH cấp nhà nước, hàng trăm đề tài NCKH cấp bộ và hàng chục hợp đồng nghiên cứu với các cơ quan, doanh nghiệp. Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính tại số 79 Đường Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích hơn 40.038m². Từ năm 2016, Trường phát triển thêm cơ sở Hà Nam, có địa chỉ tại đường Lý Thường Kiệt, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, diện tích 43.670m². Các hoạt động đào tạo và NCKH của Nhà trường đã góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, được Nhà nước, xã hội và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Trường Đại học Thương mại đã được Nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2010) và Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2015).

1.2.1. Tổ chức bộ máy và nhân sự

Ngày 8/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 598/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Thương mại. Trường đã thực hiện đổi mới hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ đào tạo và NCKH, về tổ chức bộ máy, nhân sự, về tài chính, đầu tư, mua sắm, về chính sách học bổng học phí.

Tổ chức bộ máy Nhà trường từng bước được đổi mới, hiệu quả quản lý của bộ máy cũng được nâng lên. Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. Trường đã tiếp nhận và vận hành hoạt động của cơ sở Hà Nam, góp phần tăng cường đáng kể năng lực cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo. Một số đơn vị được cơ cấu lại, sáp nhập hoặc được đổi tên cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu đổi mới của Nhà trường.

Trường đã xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều văn bản

quản lý như Quy chế Tổ chức và hoạt động, Quy chế Tài chính nội bộ,... Tính đến nay, về cơ bản, mọi hoạt động của Nhà trường đều có quy chế, quy định rõ ràng, cụ thể góp phần nâng cao trách nhiệm và hiệu lực quản lý của các cấp và của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Công tác quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục luôn được quan tâm chú trọng; số giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngày càng tăng. Đội ngũ giảng viên là 469 người; trong đó có: 01 Nhà giáo nhân dân, 17 nhà giáo ưu tú; 02 Giáo sư, 45 Phó Giáo sư, 137 tiến sĩ; 48 giảng viên cao cấp, 173 giảng viên chính; hơn 80 giảng viên giảng các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ cho các chương trình đào tạo liên kết quốc tế và 02 chương trình đào tạo chất lượng cao; 100% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ trở lên. Đội ngũ viên chức hành chính là 223 người, trong đó có: 03 tiến sĩ, 134 thạc sĩ, 24 chuyên viên chính.

Trường luôn chú trọng xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trung hạn và dài hạn; xây dựng các chế độ, chính sách phù hợp để phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện hiện nay đến năm 2030. Có các giải pháp thiết thực triển khai các quy định, chính sách phát triển, sử dụng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ và các nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư. Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong Trường Đại học Thương mại, làm căn cứ quan trọng cho việc tuyển dụng, điều động, sắp xếp nhân sự hợp lý và khoa học. Hội đồng Trường cũng đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí theo đúng quy định của Luật Giáo dục Đại học. Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ theo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi phân theo ngành đào tạo chưa đảm bảo cân bằng.

1.2.2. Hoạt động đào tạo

Trong thời gian 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Thương mại đã có những thay đổi căn bản, toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động, trong đó có hoạt động đào tạo. Nhiều chương trình đào tạo mới trình độ đại học và sau đại học

đã được mở, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế. Hiện nay, Trường đang triển khai đào tạo 26 chương trình đào tạo với 21 chuyên ngành thuộc 16 ngành đào tạo trình độ đại học; 6 chương trình đào tạo thạc sĩ, 5 chương trình đào tạo tiến sĩ. Từ năm 2018, thực hiện chủ trương của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, Trường đã xây dựng và tổ chức tuyển sinh, đào tạo 03 chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù thuộc 03 ngành: Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Hệ thống thông tin quản lý, 7 chương trình đào tạo thạc sĩ và 5 chương trình đào tạo tiến sĩ.

Trường luôn chú trọng đào tạo kiến thức gắn với rèn luyện kỹ năng nhằm phát triển toàn diện người học. Trường cũng thực hiện liên kết, hợp tác với các trường, các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước,... trong việc mời báo cáo viên, tiếp nhận sinh viên thực tập các chuyên ngành,... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường kiến thức thực tế cho sinh viên.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, số lượng tuyển sinh hệ đào tạo chính quy được duy trì từ 3.800-4000 sinh viên/năm, thạc sĩ 500-700 học viên/năm, nghiên cứu sinh từ 30-50 người/năm; song bằng, liên thông và vừa làm vừa học 400-500/năm. Quy mô sinh viên, học viên của Trường bình quân hàng năm khoảng 21.000, trong đó hệ đại học chính quy tập trung 16.000; đào tạo sau đại học khoảng 1.500. Quy mô đào tạo được giữ ổn định để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo; điểm chuẩn tuyển sinh đầu vào những năm gần đây từng bước được nâng cao. Đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo luôn được Nhà trường chú trọng và mang lại hiệu quả rõ rệt. Khuyến khích việc sử dụng các bài giảng điện tử, tăng cường việc trao đổi và mời các chuyên gia thực tiễn tham gia báo cáo một số nội dung của học phần, gửi sinh viên đến thực tập tại doanh nghiệp, phát triển phương thức dạy và học trực tuyến.

Trong những năm gần đây, báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp hàng năm cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Thương mại có việc làm luôn đạt mức cao trên 90%. Gần đây nhất là khảo

sát đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2017 và 2018 cho thấy: (1) Đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2018: 96,2% sinh viên có việc làm; 2% sinh viên tiếp tục học; 1,8% sinh viên chưa có việc làm; (2) Đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2017: 94,3% sinh viên có việc làm; 3,4% sinh viên tiếp tục học; 2,3% sinh viên chưa có việc làm. Có thể đánh giá chung phần lớn sinh viên tốt nghiệp của Trường đã đáp ứng cơ bản yêu cầu về kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành/chuyên ngành và của nhà tuyển dụng.

1.2.3. Hoạt động khoa học – công nghệ

Trường đã hoàn thành nhiều đề tài NCKH trọng điểm cấp Nhà nước, cấp Bộ có ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao. Kết quả nghiên cứu của các đề tài được áp dụng trong thực tế của ngành thương mại, dịch vụ, du lịch của đất nước và của các địa phương, được ứng dụng phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Trường.

Trước năm 2015, Trường Đại học Thương mại đã tham gia nghiên cứu 5 đề tài cấp Nhà nước, thực hiện gần 300 đề tài cấp Bộ, 400 đề tài cấp Trường và gần 2.000 đề tài nghiên cứu khoa học do sinh viên thực hiện. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, Trường đã hoàn thành và nghiệm thu 01 đề tài cấp Quốc gia (năm 2016) và đang triển khai 01 đề tài độc lập cấp Quốc gia, 35 đề tài cấp Bộ/tỉnh/thành phố. Số lượng các bài báo khoa học công bố quốc tế trên các tạp chí có chỉ số ISI, Scopus có xu hướng tăng nhanh với 162 bài đăng trong 5 năm qua. Trong giai đoạn này, đã có hơn 3.800 sinh viên tham gia NCKH với 1.224 đề tài, có 23 công trình NCKH được lựa chọn gửi dự thi cấp Bộ, trong đó có 3 công trình đạt Giải Nhì, 5 công trình đạt giải Ba và 7 giải Khuyến khích. Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng các định hướng nghiên cứu chiến lược của Trường và của các khoa quản lý chuyên ngành đào tạo, từ đó cụ thể bằng các chương trình nghiên cứu trọng tâm với các sản phẩm khoa học có uy tín như ấn phẩm Báo cáo thường niên Kinh tế và Thương mại Việt Nam (năm 2018 và 2019).

Hầu hết các học phần đều được đảm bảo có từ 3-5 tài liệu nghiên cứu, tham

khảo bắt buộc. Trong 5 năm qua, Trường có 42 giáo trình mới được xuất bản, 8 giáo trình tái bản có bổ sung, sửa chữa và 52 sách tham khảo được xuất bản. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống học liệu phục vụ cho đào tạo ngày càng được tăng cường.

Trường đã mở rộng liên kết đào tạo và NCKH với các trường đại học, viện, học viện trong và ngoài nước, các Bộ, ngành, các doanh nghiệp để trao đổi thông tin, tổ chức các hội thảo khoa học, bồi dưỡng cán bộ giáo viên, hợp tác giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong 5 năm từ năm 2015 đến nay, Trường đã tổ chức 12 hội thảo khoa học quốc tế, 18 hội thảo khoa học quốc gia và 02 hội thảo khoa học cấp Trường. Đặc biệt, Nhà trường đã đổi mới phương thức tổ chức hội thảo khoa học quốc gia, phân cấp và giao nhiệm vụ cho các khoa quản lý ngành đào tạo chủ trì tổ chức các hội thảo đạt kết quả tốt, tăng số lượng và giữ vững chất lượng các hội thảo.

Chất lượng Tạp chí Khoa học Thương mại từng bước được nâng cao theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và đã được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước cho điểm tăng dần qua các năm; từ 0,5 (trước năm 2013) lên 0,75 (năm 2013) và lên mức 1,0 (từ năm 2017 đến nay).

1.2.4. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế

Trường luôn chú trọng tăng cường hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế. Trường có quan hệ hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học trong đào tạo cao học, nghiên cứu sinh và NCKH như Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Viện Chiến lược và chính sách Công thương, Viện Phát triển Chiến lược, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội,...; các trường đại học, cao đẳng như Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Thương mại Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế Huế, Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Trường Đại học Hải Phòng,...

Trường và các khoa quản lý ngành/chuyên ngành đào tạo đã ký kết nhiều

hợp đồng với doanh nghiệp để tiếp nhận, hướng dẫn sinh viên kiến tập giữa khóa và thực tập cuối khóa; doanh nghiệp cử cán bộ quản lý cấp cao đến báo cáo các chuyên đề thực tế trong chương trình đào tạo cho sinh viên; doanh nghiệp tài trợ học bổng, tiếp nhận sinh viên sau khi tốt nghiệp như Tập đoàn Vingroup, SunGroup, Tổng Công ty Thương mại Hà Nội, Ngân hàng BIDV, Sacombank, Vietinbank, Agribank, Vinaphone, Viettel, Mobiphone, Truyền hình Cáp Việt Nam, Khách sạn Crown,... Theo đó, mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp được mở rộng, các doanh nghiệp trở thành một bộ phận chính yếu tham gia vào các hoạt động đào tạo của Trường, bao gồm: xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo; giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả đào tạo; sử dụng sản phẩm đào tạo; hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ,... Nhờ vậy, sinh viên được tiếp cận ngay với thực tiễn nghề nghiệp khi còn đang trong quá trình học tập tại Trường, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp.

Về phương diện hợp tác quốc tế, Trường đã xây dựng và phát triển quan hệ tốt đẹp về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường đại học uy tín đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như: Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Áo, Canada, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan,... và các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF), Hiệp hội Logistics Đức - Châu Á,... Trong hoạt động liên kết đào tạo, tính đến tháng 10/2020, Trường đã tổ chức 17 khoá liên kết quốc tế với quy mô ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu với 14 chuyên ngành khác nhau được triển khai ở trình độ đại học và thạc sỹ, trong đó nhiều chương trình liên kết đào tạo quốc tế đã chứng minh được sức hút và chất lượng với xã hội như: chương trình Thạc sỹ quốc tế Tài chính, chương trình Cử nhân quốc tế chuyên ngành Quản trị Marketing và bán hàng liên kết với Đại học Jean Moulin Lyon 3 (13 năm), chương trình Cử nhân quốc tế ngành Quản trị tổ chức, chuyên ngành Quản trị dự án và Quản trị nhân sự liên kết với Đại học Toulon (10 năm),...

Trong những năm vừa qua, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội, nhiều chương trình liên kết quốc tế với các chuyên ngành mới có tính cập nhật,

bắt nhịp với xu hướng vận động của thị trường lao động đã được nghiên cứu triển khai như: chương trình Quản trị doanh nghiệp phân phối và Logistics liên kết với Đại học Paris II, chương trình Thương mại điện tử, chương trình Khởi nghiệp kinh doanh liên kết với Đại học Toulon,... Bên cạnh đó, Trường cũng thực hiện các chương trình liên kết cấp bằng cử nhân của Trường Đại học Thương mại cho sinh viên Trung Quốc theo mô hình 2 + 2 và 3 + 1 với Đại học Dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc); chương trình đào tạo theo hiệp định Chính phủ cho sinh viên đến từ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Mông Cổ,... số lượng tuyển sinh hệ liên kết đào tạo quốc tế hàng năm đạt khoảng 800 sinh viên và cao học viên.

Ngoài ra, Trường tiến hành nhiều hoạt động giao lưu và trao đổi sinh viên với các trường đại học đối tác nước ngoài. Trường đã gửi hàng trăm lượt giáo viên đi học tập, nghiên cứu, trao đổi khoa học và mời các giáo sư, chuyên gia nước ngoài đến trường để trao đổi khoa học, đào tạo, tham gia giảng dạy và nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Trường hiện có hơn 70 giảng viên thỉnh giảng là người nước ngoài, trong đó đã có 5 giáo sư nước ngoài được phong tặng giáo sư danh dự của Trường Đại học Thương mại. Trường đã mở rộng hợp tác về NCKH với các trường đại học ngoài nước, chủ yếu đồng tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế. Trong giai đoạn 2016-2020, Trường đã phối hợp với các trường đại học nước ngoài tổ chức thành công 09 hội thảo khoa học quốc tế.

1.2.5. Hoạt động truyền thông

Trường đã chú trọng triển khai các hoạt động truyền thông trên nhiều phương tiện khác nhau: đã hoàn thiện hệ thống các kênh truyền thông nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống website, các mạng xã hội: Facebook, Instagram, Youtube,... đã tham gia và tổ chức nhiều sự kiện nhằm đưa hình ảnh của Trường đến với xã hội, doanh nghiệp và thí sinh. Tàn suất xuất hiện các hoạt động của Trường trên các phương tiện truyền thông: truyền hình, truyền thanh, báo, internet ngày càng nhiều với phạm vi ngày càng mở rộng. Hoạt động truyền thông đã từng

bước nâng cao hình ảnh của Trường, từng bước nâng cao vị thế của Trường Đại học Thương mại ở trong nước và quốc tế.

1.2.6. Hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng

Công tác khảo thí được thực hiện gắn kết chặt chẽ với kế hoạch đào tạo của các hệ, trình độ đào tạo. Trường đã ban hành Quy định về hoạt động khảo thí trong Trường Đại học Thương mại. Hoạt động khảo thí đã góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý đào tạo, đảm bảo tính minh bạch, công khai và kịp thời. Đề thi được quản lý một cách khoa học, tập trung. Hình thức thi kết thúc học phần tiếp tục được duy trì đa dạng bao gồm thi tự luận, thi vấn đáp, thi tự luận kết hợp trắc nghiệm và thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính. 100% các học phần đều có ngân hàng câu hỏi, đề thi. Việc lựa chọn ra đề thi được thực hiện khách quan bằng phần mềm máy tính.

Trong những năm qua, công tác đảm bảo chất lượng ngày càng được chú trọng. Trường đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng và cập nhật thường xuyên các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng Trường cũng như chương trình đào tạo. Trường đang xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng Trường nhằm đảm bảo sự thống nhất, khoa học và đạt hiệu quả cao trong hoạt động này. Năm 2007, Trường Đại học Thương mại là một trong 20 Trường đã đăng ký và triển khai kiểm định chất lượng Trường đại học lần 1. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. Tháng 11/2009, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác khắc phục tồn tại và hoàn thành Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài. Từ năm 2007 đến năm 2009, Trường đã tổ chức triển khai kiểm định chất lượng nội bộ các chuyên ngành đào tạo đơn vị trực thuộc. Từ năm 2012 đến 2014, Trường tiếp tục kiểm định chất lượng nội bộ các chuyên ngành đào tạo. Công tác kiểm định chất lượng nội bộ là căn cứ quan trọng để Trường có những quyết định đổi mới và phát triển phù hợp, trước khi bước vào giai đoạn tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Trường đã kiểm định chất lượng Trường lần 2

năm 2017 theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 85,2%. Năm 2019, Trường đã kiểm chất lượng 05 chương trình đào tạo thuộc các ngành Marketing, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng với số các tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt” chiếm tỷ lệ cao. Hiện nay, Trường đang thực hiện các bước đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng Trường theo kế hoạch.

1.2.7. Tài chính và quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính của Trường có bước chuyển biến lớn gắn với việc được giao thí điểm triển khai cơ chế tự chủ tài chính được phê duyệt theo Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 8/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ theo lộ trình bao gồm cả tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Trước thời điểm này, cơ chế quản lý tài chính của Nhà trường là đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên mức tự chủ 90%. Sau khi được giao thí điểm tự chủ, Trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, không được NSNN cấp chi thường xuyên từ năm 2017. Để thực hiện cơ chế tự chủ, Trường đã triển khai đồng bộ quyền tự chủ cho tất cả các lĩnh vực như tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tự chủ tổ chức bộ máy và nhân sự, tự chủ tài chính. Về tự chủ tài chính, Trường đã xây dựng và hoàn thiện Quy chế tài chính nội bộ (trước là Quy chế chi tiêu nội bộ), ban hành và đưa vào thực hiện từ tháng 1/2017. Sau khi Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2019 có hiệu lực, Trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện Quy chế Tài chính nội bộ và ban hành thực hiện từ tháng 1/2019.

Để thực hiện Nghị định số 16/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 598/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường đã xác định khoản thu và mức thu công khai trong Quy chế Tài chính nội bộ. Trường xây dựng, công bố và thực hiện chính sách học phí của các chương trình đào tạo theo cơ chế tự chủ theo Quyết định số 598/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ theo lộ trình cho từng năm học; Thực hiện các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước; Thực hiện đúng các quy định về chính sách tín dụng sinh viên nhằm

đảm bảo sinh viên thuộc diện chính sách, các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có khả năng học tập đều được đi học. Trường đã thực hiện phân bổ nguồn tài chính hợp lý và có hiệu quả giữa chi thường xuyên và tích lũy để chi đầu tư. Hàng năm, chi nghiệp vụ chuyên môn và chi thanh toán cho người lao động đều tăng, trong đó chi tiền lương cho người lao động tăng từ 1 lên 2,5 lần so với mức lương cơ bản, về cơ bản đã cải thiện và nâng cao đời sống của người lao động. Việc sử dụng thặng dư hàng năm đảm bảo đúng quy định.

Cùng với việc xây dựng kế hoạch công tác năm học và giao kế hoạch cho từng đơn vị, Nhà trường đã thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các đơn vị theo quy trình quản lý tài chính, giao dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán theo từng năm học. Công tác chi tài chính đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu chi phục vụ giảng dạy, quản lý và học tập, NCKH. Đã xây dựng được quy trình chuẩn ở một số khâu và có những cải tiến giúp cho việc thanh, quyết toán nhanh gọn và hạn chế những sai sót. Trong những năm qua, nguồn thu của Trường đã có sự đa dạng hóa và tăng trưởng rõ nét. Mức thu từ các hoạt động của Trường tăng từ 10%-15%/năm. Đến nay Trường đã chủ động trong việc khai thác thế mạnh của các hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ, tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là các đối tác nước ngoài, tăng cường khai thác cơ sở vật chất tạo ra nguồn thu đáng kể phục vụ cho hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển của Nhà trường.

1.2.8. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có khoảng 84.000m² khuôn viên, 10.400m² phòng học và hội trường với tổng số 96 phòng học (trong đó có 12 phòng học đa phương tiện) có số chỗ ngồi cho 1 ca học là 7.300 chỗ, 2.200 m² thư viện, 4.068 m² ký túc xá sinh viên, 3.560 m² sân giáo dục thể chất. Điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường không ngừng được củng cố, đặc biệt trong 5 năm gần đây, góp phần cải thiện đáng kể điều kiện giảng dạy, học tập, làm việc của giảng viên, viên chức và người học. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tòa nhà F với sàn xây dựng 5.100m²; Cải tạo và

nâng cấp nhà A, nhà B khu nội trú sinh viên với quy mô khoảng 800 chỗ; Cải tạo và nâng cấp sân vườn, đảm bảo hiện đại, mỹ quan, môi trường tốt phục vụ đào tạo; mở rộng, tăng cường nâng cấp hệ thống đường nội bộ trong trường đảm bảo thuận tiện đi lại; Xây dựng và đưa vào hoạt động 01 căng tin (nhà F) phục vụ giáo viên và 02 căng tin phục vụ sinh viên (nhà H); 100% phòng học đều được trang bị điều hòa nhiệt độ, máy chiếu. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai dự án “Xây dựng trung tâm học liệu và giảng đường đa năng” với diện tích sàn xây dựng 10.700 m².

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Những thành công

Vị thế và thương hiệu:

Trường Đại học Thương mại có uy tín, vị thế và hình ảnh ngày càng cao trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Chất lượng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường ngày càng được nâng lên, được người học, công chúng và các đối tượng có liên quan trong xã hội đánh giá ngày càng cao. Trường đã trở thành một trong những trường thuộc top đầu về đào tạo kinh tế thương mại và quản lý.

Về tổ chức, nhân sự:

- Có sự đồng lòng nhất trí giữa các cấp lãnh đạo, quản lý Nhà trường (Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên), có sự phối hợp tốt giữa chính quyền với công đoàn, đoàn thanh niên dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Trường.

- Lãnh đạo và bộ máy quản lý của Trường đưa ra được các định hướng dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn nhanh chóng thích ứng với những thay đổi và đưa ra được các quyết định đúng đắn và kịp thời.

- Trường đã thực hiện xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp với hoạt động của Nhà trường và xây dựng các qui chế, qui định trong hoạt động của Trường. Mọi hoạt động của Nhà trường đều có quy chế, quy định rõ ràng.

- Trường tập trung phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về cả số lượng lẫn chất lượng, tăng số lượng tiến sĩ, thực hiện đầu tư để tăng

cường năng lực nghiên cứu khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Công tác quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục luôn được chú trọng. Trường có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trung hạn và dài hạn hướng tới nâng cao chất lượng đội ngũ về cả trình độ chuyên môn trong giảng dạy nghiên cứu lẫn năng lực ngoại ngữ.

Về đào tạo, khảo thí và đảm bảo chất lượng:

- Nhiều chương trình đào tạo mới trình độ đại học và sau đại học đã được phát triển, kịp thời đáp ứng các nhu cầu của người học và của thị trường việc làm về các ngành nghề có nhu cầu nhân lực cao và các ngành nghề mới xuất hiện.

- Nội dung chương trình được đổi mới, ngày càng sát với với nhu cầu xã hội, nhu cầu phát triển của quốc gia. Phương pháp dạy học cũng được đổi mới, phù hợp với các yêu cầu trang bị các kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ của người học tốt nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Công tác tuyển sinh, đặc biệt là kết quả tuyển sinh đại học chính quy đã đạt được những thành tựu đáng tự hào, với quy mô tuyển sinh ổn định, điểm trúng tuyển của tất cả các chương trình đào tạo tăng qua các năm, khẳng định vị thế của Trường ngày càng được nâng cao.

- Hoạt động đào tạo của Trường đã đáp ứng ngày càng cao với nhu cầu của thị trường lao động và các nhà tuyển dụng, thể hiện ở tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của Trường có việc làm luôn đạt mức cao.

- Công tác khảo thí được đổi mới căn bản, đã gắn kết chặt chẽ với kế hoạch đào tạo của các bậc, hệ đào tạo và hỗ trợ quản lý đào tạo được thực hiện theo đúng quy chế, góp phần đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Về hoạt động KH&CN:

Trường đã chủ trì thực hiện và tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp, các hợp đồng nghiên cứu với các cơ quan, doanh nghiệp góp phần tích cực vào sự phát triển

kinh tế xã hội của quốc gia và được Nhà nước, xã hội và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá ngày càng cao.

- Năng lực công bố nghiên cứu và số lượng các bài báo khoa học công bố trong và ngoài nước của Trường ngày càng tăng, nhất là số lượng và chất lượng các công bố quốc tế trên các tạp chí ISI, Scopus có xu hướng tăng nhanh.

- Trường đã mở rộng liên kết đào tạo và NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước, các bộ, ngành, các doanh nghiệp để trao đổi thông tin, tổ chức các hội thảo khoa học, bồi dưỡng cán bộ giáo viên, hợp tác giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

- Chất lượng Tạp chí Khoa học Thương mại từng bước được nâng cao theo hướng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; uy tín khoa học ngày càng được nâng cao.

Về tài chính và cơ sở vật chất:

- Trong những năm qua, nguồn thu của Trường đã có sự đa dạng hóa và tăng trưởng rõ nét. Trường đã chủ động trong việc khai thác thế mạnh của các hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ, tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, tăng cường khai thác cơ sở vật chất tạo ra nguồn thu đáng kể phục vụ tốt cho hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển của Nhà trường.

- Điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường không ngừng được củng cố, đặc biệt trong 5 năm gần đây, góp phần cải thiện đáng kể về chất lượng và các điều kiện vật chất kỹ thuật của các phòng làm việc và phòng học, cũng như cảnh quan chung của Trường. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống học liệu phục vụ cho đào tạo ngày càng được tăng cường đầu tư trong những năm qua. Trường tiếp tục đầu tư mở rộng mặt bằng nhằm phát triển thêm các giảng đường và trung tâm học liệu hiện đại nhằm phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.3.2. Những hạn chế, tồn tại

- Về số lượng tuyển sinh đã đạt ở mức tối đa trên năng lực hiện có, vì vậy, muốn tăng qui mô phải tăng nguồn lực đầu vào của quá trình đào tạo gồm cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên, hoặc các phương pháp giảng dạy mới dựa trên công nghệ.

- Kết quả hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế còn chưa khai thác tốt tiềm năng của Nhà trường. Nguồn thu từ chuyển giao các hoạt động NCKH còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu tổng nguồn thu của Trường. Có những đề tài NCKH chưa được chuyển giao rộng rãi cho cộng đồng và cho xã hội.

- Cơ cấu đội ngũ theo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi phân theo ngành đào tạo chưa đảm bảo cân bằng. Cơ cấu đội ngũ có trình độ cao còn ở mức khiêm tốn.

- Các học liệu điện tử của Trường chưa nhiều, chưa đáp ứng được sự phát triển của công nghệ trong lĩnh vực học liệu.

1.3.3. Các nguyên nhân

Nguyên nhân thành công:

- Có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự chỉ đạo sát thực và quyết liệt của Ban Giám hiệu, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị Nhà trường;

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị và toàn thể viên chức Nhà trường.

- Lãnh đạo Nhà trường đã đề ra được các định hướng và mục tiêu phát triển phù hợp, đúng đắn trong những năm qua, đã có các định hướng đầu tư đúng đắn về nhân lực, các điều kiện vật chất và thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH, hợp tác trong và ngoài nước.

- Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội. Chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục cả về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu phát triển của Trường.

- Các chính sách, các chế độ đãi ngộ, khen thưởng với người lao động phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Trường ở từng giai đoạn.

- Nhanh nhạy nắm bắt được các thay đổi của môi trường, thị trường và ra các quyết định nhanh chóng kịp thời.

- Sự cố gắng, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của lãnh đạo, quản lý các đơn

vị và đặc biệt của toàn thể đội ngũ CBVC Nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ.

Nguyên nhân hạn chế:

- Nguồn thu tăng thêm của Trường hiện nay chủ yếu từ tăng quy mô đào tạo. Nguyên nhân khách quan là việc chuyển giao các kết quả NCKH và cung ứng dịch vụ đào tạo lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn thường hạn chế hơn so với các lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

- Do sự chấp nhận của xã hội đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học hệ vừa làm vừa học, song bằng và liên thông giảm đáng kể và học sinh có nhiều sự lựa chọn hơn các cơ hội học đại học; nhiều học sinh có xu hướng lựa chọn học nghề.

- Tuyển sinh sau đại học có xu hướng giảm, gặp nhiều khó khăn.

- Trong thời gian trước khi tự chủ, Trường chưa có điều kiện để đầu tư phát triển trung tâm học liệu hiện đại và hệ thống các học liệu điện tử.

- Có một số giai đoạn trước khi tự chủ, Trường chưa thực sự chú trọng phát triển đội ngũ về số lượng nên dẫn tới cơ cấu theo độ tuổi chưa cân bằng.

Phần II:

SỨ MẠNG, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TẦM NHÌN

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2.2. Giá trị cốt lõi: *Truyền thống, Trách nhiệm và Sáng tạo*

- Truyền thống: Dân chủ, đoàn kết, nhân văn, hợp tác, chia sẻ, tự lực tự cường, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động của Nhà trường;

- Trách nhiệm: Tuân thủ pháp luật và các quy định của Nhà nước; Cung cấp các chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo ở các trình độ đào tạo đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động; Minh bạch thông tin và công bằng trong ứng xử với người học, viên chức và người lao động; Quan tâm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động; Tham gia tích cực các hoạt động xã hội với các hành động cụ thể, thiết thực; Giải trình các hoạt động của Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Sáng tạo: Liên tục đổi mới với tư duy sáng tạo trong hoạt động quản lý, giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển các mối quan hệ và các hoạt động khác thích ứng với mọi sự thay đổi; kết hợp sáng tạo cá nhân với trí tuệ tập thể; đảm bảo tính linh hoạt và hiệu quả trong các hoạt động của Nhà trường.

2.3. Tầm nhìn đến 2040

Phát triển Trường Đại học Thương mại theo mô hình “Trường đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm” với chất lượng các nguồn lực và năng lực cốt lõi để trở thành:

- Một trung tâm đào tạo chất lượng cao các trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với chương trình đào tạo tiên tiến; đội ngũ giảng viên có trình độ học thuật và sư

phạm cao;

- Một trung tâm nghiên cứu, hợp tác trong nước và quốc tế; chuyên giao khoa học công nghệ, tri thức có uy tín cao trong lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại của quốc gia và quốc tế;

- Một trường đại học triển khai thành công mô hình quản trị đại học tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin và quản lý hiện đại, kết hợp thực hành văn hóa tổ chức, nhấn mạnh các giá trị truyền thống, trách nhiệm và sáng tạo; lấy sự hài lòng của người học về chất lượng và giá trị dịch vụ đào tạo, sự gắn bó và đoàn kết của viên chức Nhà trường làm tiêu điểm;

- Một trường đại học có vị thế và thương hiệu mạnh dựa trên giá trị dịch vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; có uy tín cao, hình ảnh thân thiện với các đối tác và cộng đồng xã hội;

- Một trường đại học được đánh giá và thừa nhận là một trong các trường đại học dẫn đầu về chất lượng toàn diện các hoạt động trong kiểm định và xếp hạng trường đại học Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Phần III:

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

3.1. Mục tiêu chung

1. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động theo định hướng đổi mới quản trị đại học và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, từng bước đáp ứng theo chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng cao của xã hội; tiếp tục phát triển các ngành/chương trình đào tạo mới gắn với sự phát triển của nền kinh tế số; đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

3. Tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô đào tạo hợp lý trong điều kiện các chương trình đào tạo được phát triển theo sự thay đổi của nhu cầu thị trường lao động; đảm bảo tương thích giữa quy mô, nhu cầu xã hội về các ngành nghề, năng lực đào tạo và yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

4. Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của Trường và công bố công khai kết quả kiểm định.

5. Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên; tập trung phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, được công nhận ở tầm quốc gia; gắn kết hoạt động NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Duy trì và tăng cường mối quan hệ bền vững với các đối tác quốc tế truyền thống, phát triển các dự án hợp tác đào tạo với các trường đại học quốc tế có uy tín, được xếp thứ hạng cao trên thế giới.

7. Phát triển quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực NCKH, đẩy mạnh hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên, nhà nghiên cứu và thu hút sinh viên quốc tế theo học tại Trường.

8. Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên phục vụ đạt chuẩn theo qui định.

9. Phát triển hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động khác của Nhà trường.

10. Phát triển và đa dạng hoá các nguồn lực tài chính, tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH; đảm bảo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính bền vững.

3.2. Mục tiêu phát triển các hoạt động

3.2.1. Các mục tiêu đào tạo

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Phát triển các CTĐT - công cụ cho thương mại hội nhập và hiện đại, đáp ứng nhu cầu xã hội	- Số CTĐT mở mới trình độ ĐH: 1 – 2; - Số CTĐT mở mới trình độ SDH: 1	- Số CTĐT mở mới trình độ ĐH: 1 – 3; - Số CTĐT mở mới trình độ SDH: 1.
Phát triển các CTĐT là CTĐT của nước ngoài, giảng bằng Tiếng Anh.	- Số CTĐT trình độ ĐH: 1 – 2.	
Tuyển sinh trình độ ĐH	- Trình độ ĐH: 3800 - 4200 SV/năm.	- Trình độ ĐH: 3800 - 4500 SV/năm.
Tuyển sinh trình độ SDH	- Trình độ Ths: 500 - 700 HV/năm; - Trình độ TS: 30 – 50 NCS/năm.	- Trình độ Ths: 700 - 1000 HV/năm; - Trình độ TS: 50 – 100 NCS/năm.
Kiểm định chất lượng CTĐT trình độ ĐH	- Tỷ lệ CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc gia: 100%	- Số CTĐT đạt chuẩn AUN-QA: 2-3.
Kiểm định chất lượng		- Số CTĐT đạt chuẩn

CTĐT trình độ SĐH	kiểm định: 1 – 2.
-------------------	-------------------

3.2.2. Các mục tiêu nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ CBGV.	<ul style="list-style-type: none"> - Số nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế: 15; - Tỷ lệ bài báo ISI, SCOPUS/GV: 0.15/năm; - Tỷ lệ bài báo/GV: 0.8/năm; - Số HTQG/QT trong 5 năm: 30; - Tỷ lệ số ĐT/GV: 0.15 - Chi cho KH&CN: 5% tổng nguồn thu/năm; - Nguồn thu từ hoạt động KH&CN: 2%/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Số nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế: 20; - Tỷ lệ bài báo ISI, SCOPUS/GV: 0.20/năm; - Tỷ lệ bài báo/GV: 0.9/năm; - Số HTQG/QT trong 5 năm: 30; - Tỷ lệ số ĐT/GV: 0.2 - Chi cho KH&CN: 5% tổng nguồn thu/năm; - Nguồn thu từ hoạt động KH&CN: 3%/năm
Phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược tầm quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 1-2/5 năm; - Số bài báo ISI, Scopus thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 10/5 năm; - Số ĐT cấp Quốc gia, Nafosted: 1-2/5 năm; - Số ĐT cấp bộ và tương đương thuộc lĩnh vực NC chiến lược: 3-4/5 năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 3-4/5 năm; - Số bài báo ISI, Scopus thuộc lĩnh vực nghiên cứu chiến lược: 20/5 năm; - Số ĐT cấp Quốc gia, Nafosted: 1-2/5 năm; - Số ĐT cấp bộ và tương đương thuộc lĩnh vực NC chiến lược: 4-5/5 năm

Gắn kết hoạt động NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Số ĐT cấp trường bình quân/năm: 50; - Số SV, CHV, NCS thực hiện NCKH: 4000/5 năm; - Tỷ lệ GV trẻ (<40 tuổi) tham gia NCKH: 80%/năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Số ĐT cấp trường bình quân/năm: 50; - Số SV, CHV, NCS thực hiện NCKH: 4000/5 năm; - Tỷ lệ GV trẻ (<40 tuổi) tham gia NCKH: 90%/năm
--	---	---

3.2.3. Các mục tiêu đối ngoại và hợp tác quốc tế

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Công tác tuyển sinh các chương trình liên kết đào tạo quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ ĐH: 800-900 sinh viên/năm; - Trình độ sau ĐH: 15-20 HV/năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ ĐH: 900-1.000 SV/năm; - Trình độ sau ĐH: 18-25 HV/năm.
Phát triển các dự án liên kết quốc tế	- Số lượng dự án phát triển trong giai đoạn: 2 – 3	- Số lượng dự án phát triển trong giai đoạn: 3 – 5
Hoạt động hợp tác quốc tế trong NCKH	<ul style="list-style-type: none"> -Số lượng hội nghị, HTQT/năm: 1-2; -Số lượng các seminar, trao đổi học thuật với GV nước ngoài/năm: 5-8 	<ul style="list-style-type: none"> -Số lượng hội nghị, HTQT/năm: 2-3; -Số lượng các seminar, trao đổi học thuật với GV nước ngoài/năm: 8-10
Hoạt động thu hút, trao đổi sinh viên quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> -Số lượng SV trao đổi hàng năm: 50-60; - Số chương trình giao lưu SV quốc tế hàng năm: 4-5 	<ul style="list-style-type: none"> -Số lượng SV trao đổi hàng năm: 60-80; - Số chương trình giao lưu SV quốc tế hàng năm: 5-8

Quốc tế hóa đội ngũ giảng viên	- Số lượng GV nước ngoài hàng năm: 60-70	-Số lượng GV nước ngoài hàng năm: 70-80
--------------------------------	--	---

3.3. Mục tiêu phát triển các nguồn lực

3.3.1. Các mục tiêu tổ chức bộ máy và nhân lực

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Hoàn thiện tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học; với cơ chế quản lý và hoạt động theo định hướng đổi mới quản trị đại học và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhà trường theo 3 cấp: Trường – Khoa – Bộ môn.	- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhà trường theo 3 cấp: Trường – Khoa – Bộ môn.
Đảm bảo ổn định đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ theo quy định với từng chức danh; chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao về giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng GV: 500-510 (người); - Tỷ lệ GV là TS: 50%; - Tỷ lệ GVC: 65%; - Tỷ lệ GVCC: 13%; - Số lượng PGS: 3-5 người/năm; - Số lượng GS: 1-2 người; - Tỷ lệ GV giảng dạy học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ: 25%; - Số lượng giảng viên nước ngoài tham gia các 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng GV: 510-520 (người); - Tỷ lệ GV là TS: 60%; -Tỷ lệ GVC: 70%; -Tỷ lệ GVCC: 15%; - Số lượng PGS: 3-5 người/năm; - Số lượng GS: 1-2 người; -Tỷ lệ GV giảng dạy học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ: 35%; - Số lượng giảng viên nước ngoài tham gia các

	CTĐT bình quân: 60-70 người/năm.	CTĐT bình quân: 70-80 người/năm.
Đảm bảo ổn định đội ngũ viên chức và nhân viên phục vụ đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ theo quy định với từng chức danh; có tỷ lệ phù hợp giữa viên chức và nhân viên phục vụ/giảng viên.	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ CV có trình độ ThS trở lên: 65% - Tỷ lệ CVC: 17% - Tỷ lệ VC, NVPV/GV: 0,4 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ CV có trình độ ThS trở lên: 70% - Tỷ lệ CVC: 20% - Tỷ lệ VC, NVPV/GV: 0,35

3.3.2. Các mục tiêu cơ sở vật chất.

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Hoàn thiện dự án “Xây dựng trung tâm học liệu và giảng đường đa năng”	<ul style="list-style-type: none"> - Qui mô: 11 tầng - Diện tích xây dựng: 1.030 m² - Diện tích sàn xây dựng: 10.723 m² - Kinh phí dự kiến: 148 tỷ 	
Triển khai dự án “Tòa nhà giảng đường đa năng-ĐHTM”	<ul style="list-style-type: none"> - Qui mô: 15 tầng nổi, 02 tầng hầm - Diện tích xây dựng: 1.200 m² - Diện tích sàn xây dựng: 20.400 m² - Kinh phí dự kiến: 297 	

	tỷ	
Triển khai dự án "Xây dựng khu giáo dục thể chất và nhà ăn sinh viên"	- Qui mô: 03 tầng - Diện tích xây dựng: 530m ² - Diện tích sàn xây dựng: 1.500 m ² - Kinh phí dự kiến: 14,5 tỷ	
Sửa chữa, cải tạo ký túc xá cơ sở Hà Nam	- Qui mô 970 chỗ ở cho sinh viên. - Kinh phí dự kiến: 30 tỷ.	
Triển khai dự án "Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, giảng đường, thư viện tại cơ sở Hà Nam.	- Qui mô 6.500 m ² - Kinh phí dự kiến: 12 tỷ	
Triển khai dự án "Cung cấp, lắp đặt thiết bị nội thất thư viện"	- Kinh phí dự kiến: 12 tỷ	
Triển khai dự án "Cung cấp, lắp đặt thiết bị các phòng học, phòng đa chức năng thuộc trung tâm học liệu giảng đường đa năng"	- Kinh phí dự kiến: 5 tỷ	
Triển khai dự án "Cung cấp, lắp đặt thiết bị thư viện thuộc Trung tâm học	- Kinh phí dự kiến: 30 tỷ	

liệu và giảng đường đa năng”		
Triển khai dự án “Cung cấp, lắp đặt thiết bị cho tòa nhà giảng đường đa năng- ĐHTM”		- Kinh phí dự kiến: 36 tỷ
Tăng cường năng lực phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng máy tính, phòng thực hành thay mới 150 máy. - Phòng giao dịch chứng khoán ảo: Nâng cấp các thiết bị phần mềm thuộc phòng giao dịch chứng khoán ảo. 	- Phòng máy tính: Bổ sung 60 máy nâng cấp 01 phòng máy.
Triển khai mua bổ sung, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị/năm	- Kinh phí dự kiến: 3,5 tỷ/năm	- Kinh phí dự kiến: 3,5 tỷ/năm
Triển khai và hoàn thiện hệ thống các phần mềm quản lí	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện phần mềm quản lí đào tạo các hệ: 11 modul - Triển khai phần mềm quản lí học phí - Triển khai phần mềm quản lí và thanh toán khối lượng giảng dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp toàn bộ hệ thống phần mềm quản lí đào tạo, cơ sở dữ liệu đào tạo theo nền tảng công nghệ mới của Microsoft - Triển khai phần mềm điện tử E-Office
Hoàn thiện hạ tầng mạng, máy chủ.	- Hoàn thiện hạ tầng đường cáp quang.	- Nâng cấp băng thông: 120Mbps quốc tế,

	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống thiết bị mạng - Phủ sóng wifi toàn trường - Nâng cấp băng thông: 100Mbps quốc tế, 350Mbps nội địa 	<ul style="list-style-type: none"> 500Mbps nội địa - Nâng cấp hệ thống máy chủ - Triển khai hệ thống Tape Backup
Diện tích thư viện	- Rộng khoảng 5.500 m2.	- Rộng khoảng 7.000 m2.
Thiết bị thư viện.	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm: + Đầu tư hệ thống phần mềm quản lý và tự động hóa nghiệp vụ quản trị thư viện và tìm kiếm, phát hiện và chuyển giao tài nguyên tập trung. - Phần cứng: Đầy đủ, đồng bộ, hiện đại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm: Cập nhật, nâng cấp phiên bản mới và gia hạn bảo trì. - Phần cứng: Thay thế, bổ sung mới, bảo trì.
Tài nguyên thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống: + Giáo trình: Đáp ứng 100% + Tài liệu tham khảo: Đáp ứng 90% - Điện tử: Đáp ứng 80% 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống: + Giáo trình: Đáp ứng 100% + Tài liệu tham khảo: Đáp ứng 95% - Điện tử: Đáp ứng 85%
Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các thư viện trong và ngoài nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện trong nước: 10 - Thư viện nước ngoài: 5 	<ul style="list-style-type: none"> -Thư viện trong nước: 12 - Thư viện nước ngoài: 8

Áp dụng các chuẩn nghiệp vụ, chuẩn hóa các khâu công tác	- Đạt 95%	- Đạt 100%
--	-----------	------------

3.3.3. Các mục tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2021-2025	2026-2030
Phát triển và đa dạng hóa nguồn thu, đảm bảo cơ cấu nguồn thu hợp lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu hàng năm tăng tối thiểu 10%. - Cơ cấu nguồn thu: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn thu dịch vụ đào tạo :80%- 85% + Nguồn thu hoạt động KH&CN : 2% + Nguồn thu khác: 13%-18% (tài trợ, Đầu tư tài chính, dịch vụ phụ vụ đào tạo...). - Đến năm 2025 học phí đảm bảo tính đủ chi phí đào tạo. Mức thu học phí các CTĐT tiệm cận với khung học phí của Nhà nước giai đoạn 2021-2015 đối với các trường tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu hàng năm tăng tối thiểu 10%. - Cơ cấu nguồn thu: <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn thu dịch vụ đào tạo :80%- 85% + Nguồn thu hoạt động KH&CN : 3% + Nguồn thu khác: 12%-17% (tài trợ, đầu tư tài chính, dịch vụ phục vụ đào tạo,...).
Phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính hiệu	- Tỷ lệ chi con người tăng bình quân 5%/năm;	- Tỷ lệ chi con người tăng bình quân 5%/năm;

<p>quả giữa chi hoạt động thường xuyên (chi con người, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi hoạt động NCKH, chi dịch vụ...) và chi đầu tư phát triển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chi hoạt động chuyên môn tăng từ 5%-10%/năm; - Tỷ lệ chi hoạt động KHCN tối thiểu 5% trong tổng nguồn thu; - Hàng năm tăng tích lũy để phục vụ chi đầu tư phát triển 5%-10% từ chênh lệch thu chi và KHTSCĐ; - Đảm bảo quỹ ổn định thu nhập hàng năm; - Đảm bảo quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học tối thiểu 8%/nguồn thu học phí chính quy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi hoạt động chuyên môn tăng từ 5%-10%/năm; - Tỷ lệ chi hoạt động KHCN tối thiểu 5% trong tổng nguồn thu; - Hàng năm tăng tích lũy để phục vụ chi đầu tư phát triển 5%-10% từ chênh lệch thu chi và KHTSCĐ; - Đảm bảo quỹ ổn định thu nhập hàng năm; - Đảm bảo quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học tối thiểu 8%/nguồn thu học phí chính quy.
<p>Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ và phát triển CSVN bình quân từ quỹ đầu tư và phát triển</p>	<p>60-70 tỷ VNĐ/năm</p>	<p>70- 90 tỷ VNĐ/năm</p>

Phần IV:

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Cơ hội và thách thức

4.1.1. Cơ hội

- Đảng và Nhà nước đặt giáo dục là quốc sách hàng đầu, luôn coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, và coi trọng giáo dục, coi giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Đổi mới giáo dục đại học ở nước ta cũng đã đạt được một số kết quả quan trọng và đã đa dạng hoá các loại trường về mô hình và sở hữu, đa dạng hóa mục tiêu, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường.

- Thay đổi trong quản lý của Nhà nước đối với giáo dục đại học từ kiểm soát trực tiếp sang kiến tạo, giám sát; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với các cơ sở giáo dục đại học; đổi mới quản trị đại học theo hướng hội nhập với thế giới.

- Các quốc gia trên thế giới hợp tác và cạnh tranh để phát triển trong xu thế hội nhập, cơ hội hợp tác trong nghiên cứu khoa học và đào tạo càng được mở rộng.

- Nền kinh tế tri thức ngày càng phát triển và cơ hội cho sự phát triển của giáo dục và đào tạo.

- Giáo dục được coi là nền móng vững chắc để đưa xã hội tiến lên, là vấn đề sống còn của các quốc gia và một trong những động lực để phát triển.

- Xuất hiện các trường được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội, đổi mới nội dung, chương trình và triển khai các giải pháp quản trị đại học tiên tiến.

4.1.2. Thách thức

- Yêu cầu đổi mới giáo dục căn bản, toàn diện và tiên tiến đáp ứng được các yêu cầu phát triển của quốc gia theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong

điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thay đổi của thị trường lao động và nghề nghiệp trong nước và trên thế giới đòi hỏi sự thay đổi và phát triển các ngành nghề đào tạo, phát triển các hướng đào tạo liên ngành, và đào tạo bổ sung các kỹ năng của các ngành nghề nhằm đáp ứng với các thay đổi của thị trường, đa dạng hóa các phương thức đào tạo.

- Phát triển NCKH và nâng cao tiềm lực KH&CN của đơn vị gắn kết và tạo động lực phát triển, phát triển thành trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với yêu cầu phát triển nhân lực của quốc gia, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người học, tăng cường công bố khoa học nhất là công bố quốc tế.

- Yêu cầu không ngừng đổi mới chương trình đào tạo, nội dung chương trình, phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, theo hướng hội nhập quốc tế.

- Đòi hỏi từ phía người học, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, lý luận gắn với thực tiễn, cập nhật với yêu cầu thực tiễn của ngành nghề, đẩy mạnh các hoạt động phục vụ cộng đồng, cần thúc đẩy người học tự học tập, tự nghiên cứu, đẩy mạnh theo hướng rèn luyện người học năng lực học tập suốt đời và góp phần xây dựng xã hội học tập. Bên cạnh đó, thách thức từ những áp lực đối với liên tục đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại.

- Thay đổi nhu cầu và điều kiện của người học do tác động của các biến đổi của môi trường. Người học ngày càng đòi hỏi giá trị cao trong giáo dục và đào tạo, cần các kỹ năng trải nghiệm phù hợp với nhu cầu của họ, được nâng cao trình độ, kỹ năng, năng lực của họ,

- Người học ngày càng chú trọng tới các năng lực, kỹ năng nghề nghiệp và nhận được các giá trị tương xứng với các chi phí người học bỏ ra. Người học ngày càng có nhiều lựa chọn thay thế khác và ngày càng có nhiều người thiên hướng chọn học nghề.

4.2. Quản trị trường đại học

Quản trị Trường Đại học Thương mại tiếp tục thực hiện theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong đó:

- Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan, quyết định định hướng chiến lược, các quyết sách lớn và chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của Trường;

- Ban Giám hiệu trực tiếp tổ chức các giải pháp chiến lược và tăng cường phân cấp cho các đơn vị để đảm bảo tính chủ động cho các đơn vị trong triển khai nhiệm vụ;

- Các đơn vị trực thuộc Trường được chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động toàn diện theo định hướng chiến lược và sự chỉ đạo thống nhất của lãnh đạo Nhà trường.

Mô hình quản trị Trường Đại học Thương mại tự chủ và tự chịu trách nhiệm tập trung với ba vấn đề then chốt: Tự chủ thực hiện nhiệm vụ, tự chủ về cơ cấu tổ chức bộ máy và tự chủ về tài chính:

- Tự chủ thực hiện nhiệm vụ: Theo mô hình tự chủ, Nhà trường được chủ động thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của trường đại học. Thứ nhất, tự chủ trong tuyển sinh và đào tạo và tự chịu trách nhiệm trong đào tạo và đảm bảo chất lượng theo cam kết chuẩn đầu ra được công bố. Nhà trường có kế hoạch cụ thể và triển khai các giải pháp nhằm thực hiện tuyển sinh các hệ đào tạo đảm bảo chỉ tiêu và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, kết hợp đào tạo lý thuyết với đào tạo thực hành, tăng cường năng lực làm việc, khả năng thích ứng của người học với thực tiễn. Thứ hai, Nhà trường có kế hoạch cụ thể và triển khai các giải pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về đào tạo, NCKH, phát triển các chuyên ngành đào tạo là lợi thế của Nhà trường và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Phát triển song song các kế hoạch NCKH độc lập của Nhà trường và kế hoạch NCKH hợp tác và chuyển giao ứng dụng với các đối tác trong và ngoài nước.

- Tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự: Nhà trường tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu trong quá trình tổ chức hoạt động. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực theo định hướng nâng cao chất lượng nhân lực trên cơ sở nâng cao tiêu chuẩn tuyển dụng và chuẩn giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ. Chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực phù hợp với quy mô phát triển; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực đáp ứng các chỉ tiêu phát triển của Trường và chỉ tiêu chất lượng nhân lực của ngành giáo dục giai đoạn 2020 – 2030. Nhà trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về việc thành lập mới, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể các đơn vị trực thuộc; quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc bảo đảm phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy, số lượng và cơ cấu nhân lực phù hợp với quy mô đào tạo.

- Tự chủ về tài chính: Tiếp tục thực hiện tự chủ và chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và quyết định sử dụng kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp của Trường để tiếp tục đầu tư mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực và bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; Tiếp tục hoàn thiện quy chế tự chủ tài chính đảm bảo tính minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn về tự chủ trường đại học. Xây dựng các kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn đảm bảo cân đối tài chính phục vụ ngắn hạn và dài hạn.

4.2.1. Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quản lý

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định theo từng lĩnh vực chức năng theo hướng phù hợp thực tiễn và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý.

- Hoàn thiện các bộ quy tắc ứng xử trong phạm vi nội bộ Trường Đại học Thương mại.

- Các phòng chức năng, khoa quản lý tổ chức triển khai nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Nhà trường; xây dựng kế hoạch hướng dẫn triển khai phù hợp với đặc điểm đơn vị và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

4.2.2. Tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy theo mô hình 3 cấp: Trường - Khoa - Bộ môn, gắn với quá trình phát triển hoạt động đào tạo và hoạt động KH&CN.
- Từng bước triển khai xây dựng phân hiệu Trường Đại học Thương mại ở Hà Nam.
- Thành lập mới khoa quản lý ngành đào tạo, gắn với mở mới ngành/chuyên ngành đào tạo.
- Thành lập một số Trung tâm trực thuộc trường triển khai cung ứng dịch vụ về hoạt động đào tạo và KH&CN. Thành lập một số viện trên cơ sở phát triển khoa quản lý ngành đào tạo; vừa có chức năng đào tạo, vừa có chức năng nghiên cứu.
- Tăng cường việc phân cấp quản lý và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các Khoa, Phòng, Bộ môn, đơn vị trực thuộc Trường trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

4.2.3. Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại

- Xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Trong đó, định hướng xây dựng phần mềm quản lý tổng thể theo hướng tối ưu hóa. Từng bước số hóa quy trình và dữ liệu phục vụ quản trị toàn diện tổ chức.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý minh bạch, có khả năng chia sẻ nội bộ một cách hiệu quả mà vẫn đảm bảo tính bảo mật cao.

4.2.4. Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Rà soát và hoàn thiện quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng Trường.
- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trong Trường, đảm bảo từ Trường đến các đơn vị đều có tổ chức bộ phận đảm bảo chất lượng; Thực hiện việc triển khai các hoạt động của Trường và đơn vị theo đúng các quy định, hình thành cơ sở dữ liệu, lưu trữ khoa học, hiệu quả phục vụ công tác đảm bảo chất lượng.
- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, nhiệm vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng trong Trường và các đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng Trường và các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn được ban hành.
- Từng bước triển khai hoạt động đánh giá nội bộ trong Trường.
- Đảm bảo nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đảm bảo chất lượng trong Trường.

4.2.5. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động

- Định kỳ thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc của nhân sự, hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Nhà trường, hướng tới thực hiện đánh giá theo năng lực (KPI).
- Tăng cường hoạt động kiểm tra chấp hành quy chế, quy định của Nhà trường.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả của các giải pháp thực thi chiến lược phát triển của Nhà trường; từ đó điều chỉnh mục tiêu và giải pháp thực thi chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh thực tế của từng giai đoạn.

4.3. Đào tạo

4.3.1. Thường xuyên rà soát, cải tiến và phát triển các chương trình đào tạo

- Nghiên cứu, phân tích nhu cầu thị trường lao động trong nước, trong khu vực và quốc tế, cũng như năng lực thực tế của Trường để phát triển các chương trình đào tạo mới, các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh ở các trình độ đào tạo đáp ứng cho sự phát triển thương mại hội nhập và hiện đại, đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Chú trọng định kỳ đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo hiệu quả, hợp lý, theo hướng:

+ Tăng tính ứng dụng thực tiễn của chương trình đào tạo, tăng số lượng học phần tự chọn theo hướng giúp người học tích lũy được kiến thức và kỹ năng chuyên sâu theo định hướng nghề nghiệp; đảm bảo tính liên thông theo chiều ngang, chiều dọc của các chương trình đào tạo.

+ Tăng cường tích hợp vào chương trình đào tạo các học phần liên quan đến

chương trình đào tạo cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, tạo cơ hội cho sinh viên sau tốt nghiệp có cơ hội tích lũy học phần để được cấp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế.

+ Tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường.

4.3.2. Nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào

Tổ chức tốt hoạt động truyền thông về các chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo và về cơ sở đào tạo. Đa dạng hóa hình thức, phương thức và nội dung truyền thông; Thu thập và phân tích dữ liệu tuyển sinh hàng năm làm căn cứ để xây dựng Đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh hợp lý, quan tâm đến các chính sách thu hút người học có trình độ đầu vào cao, ngoại ngữ tốt; Tổ chức thực hiện tuyển sinh các bậc, các hệ, các hình thức, chương trình đào tạo theo đúng kế hoạch, quy chế và quy định hiện hành.

4.3.3. Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức dạy - học

- Đổi mới, phát triển có chọn lọc các phương pháp dạy và học: Đẩy mạnh việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến; Khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của người học trong quá trình đào tạo; Giảng viên giữ vai trò là người định hướng, giúp đỡ người học trong việc khám phá tri thức, tiếp cận những nguồn tài liệu và khuyến khích, khơi dậy tiềm năng của người học trong nghiên cứu, học tập;

- Duy trì và đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả phù hợp với tính chất và yêu cầu chuẩn đầu ra của từng loại học phần/môn học, nhằm khuyến khích sinh viên chủ động sáng tạo trong học tập và trong việc ứng dụng kiến thức học được vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, lượng định được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình đào tạo và triển khai áp dụng phương thức đào tạo e-learning,...

4.3.4. Tạo môi trường học tập thuận lợi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

- Tạo môi trường học tập thuận lợi gắn với việc cung cấp đa dạng các dịch

vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu người học (cảnh quan môi trường, hội trường lớp học, ký túc xá, các dịch vụ tiện ích khác,...).

- Tăng cường trao đổi giữa giáo viên và sinh viên, giữa các trường khu vực và trên thế giới. Thúc đẩy các chương trình trao đổi tín chỉ với các trường uy tín trong và ngoài nước; Công nhận văn bằng, tín chỉ giữa các Trường trong và ngoài nước.

- Tăng cường quảng bá để thu hút nhiều hơn số lượng sinh viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu tại Trường.

- Tạo thêm nhiều cơ hội cho sinh viên được giao lưu, học tập, tham gia các hoạt động và trao đổi về lĩnh vực chuyên môn với các tổ chức quốc tế.

- Tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ, thực hiện đồng bộ các chính sách, điều kiện nhằm hỗ trợ phát huy năng lực, tài năng của sinh viên và giảng viên.

4.3.5. Đảm bảo đầy đủ và nâng cao chất lượng giáo trình, tài liệu tham khảo

- Tiếp tục biên soạn và hoàn thiện đầy đủ giáo trình đối với các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo.

- Thực hiện rà soát, cập nhật định kỳ tối thiểu ba năm một lần để đảm bảo tính thời sự của giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Đẩy mạnh việc hợp tác, liên kết để có thể khai thác các giáo trình, tài liệu tham khảo quốc tế.

4.4. Nghiên cứu khoa học

4.4.1. Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên

- Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ CBGV. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng, tọa đàm về phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Phát huy năng lực nghiên cứu của các giáo sư, phó giáo sư trong NCKH và đào tạo lực lượng nghiên cứu thông qua các thực hiện các nhiệm vụ NCKH, tham gia hoạt động khoa học chuyên môn trong và ngoài nước.

- Tăng cường chính sách hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu mạnh của Nhà trường gắn với các sản phẩm khoa học và đào tạo có chất lượng.

- Ưu tiên kinh phí cho NCKH, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính hấp dẫn đối với những bài báo được đăng ở các tạp chí quốc tế uy tín được xếp hạng cao.

- Tăng cường hợp tác công bố các sản phẩm khoa học giữa giảng viên của Trường với các nhà khoa học nước ngoài.

- Mở rộng phối hợp với các đối tác quốc tế khuyến khích giảng viên Trường tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành để tăng cường giao lưu, học hỏi kinh nghiệm.

- Điều chỉnh các quy định về đánh giá, thi đua - khen thưởng, kỷ luật theo hướng khuyến khích công bố khoa học của giảng viên.

- Đổi mới hoạt động của phòng QLKH theo hướng chuyên nghiệp hóa, đẩy mạnh số hóa các tài liệu, văn bản, thủ tục để thực sự thúc đẩy, hỗ trợ hiệu quả hoạt động NCKH.

4.4.2. Phát triển một số lĩnh vực nghiên cứu chiến lược tầm quốc gia

- Tập trung phát triển các chủ đề nghiên cứu có tính thời sự, tính liên ngành, theo hướng ứng dụng phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu chiến lược của Trường.

- Tăng cường công tác xúc tiến với các bộ, ban ngành, địa phương về các hướng nghiên cứu chiến lược của Trường

- Xây dựng và bồi dưỡng các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu. Phát huy vai trò các nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực nghiên cứu chiến lược thuộc thế mạnh truyền thống của Trường.

- Ưu tiên tuyển chọn, giao nhiệm vụ NCKH cho các nhóm nghiên cứu đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực, kinh nghiệm, có định hướng khoa học đúng, phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu chiến lược của Trường và có cam kết bài báo quốc tế ISI, SCOPUS.

- Thành lập Viện nghiên cứu chuyên trách về các lĩnh vực nghiên cứu chiến lược của Trường. Phát triển, tạo điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự cho viện nghiên

cứu đã thành lập.

- Cung cấp thông tin, thông báo, hướng dẫn và khuyến khích đăng ký đầu thầu các đề tài, dự án khoa học trong nước và quốc tế. Tăng cường hợp tác và liên kết nghiên cứu với Văn phòng các chương trình trọng điểm, Vụ Khoa học và Công nghệ của các bộ, các trường đại học, viện nghiên cứu, các sở KH&CN địa phương, các doanh nghiệp,...

4.4.3. Gắn kết hoạt động NCKH với nâng cao chất lượng đào tạo

- Xây dựng tiêu chí ưu tiên xét chọn những đề tài cấp trường có ứng dụng thiết thực cho hoạt động giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo.

- Nâng cao chất lượng hoạt động hướng dẫn sinh viên thực hiện NCKH.

- Gắn kết các đề tài NCKH với đề tài luận văn, luận án, gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo; có sự tham gia của CHV, NCS và giảng viên trẻ.

4.5. Đối ngoại và hợp tác quốc tế

4.5.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định, cơ chế về hợp tác quốc tế trong nhà trường

- Xây dựng và ban hành các quy định trong lĩnh vực quản lý các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo các quy định hiện hành.

- Hoàn thiện quy trình phê duyệt, thẩm định các dự án liên kết đào tạo quốc tế.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các viên chức tham gia các hội thảo quốc tế, kết nối, tạo mối quan hệ hợp tác quốc tế cho Nhà trường.

- Phân cấp công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu về cho các khoa, viện nhằm tăng cường tính chủ động, sáng tạo để đạt hiệu quả cao và sát với nhu cầu thực tế từng đơn vị.

4.5.2. Duy trì và phát triển chiều sâu hợp tác quốc tế với các đối tác truyền thống

- Tiếp tục phát triển các chương trình liên kết đào tạo quốc tế với các trường

đại học của cộng hòa Pháp, Áo trên nguyên tắc hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau và cùng có lợi, sẵn sàng chia sẻ về chương trình, nội dung đào tạo, công nhận chương trình đào tạo của nhau.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với Hiệp hội Nghiên cứu logistics ASEAN-Đức (AGKN), Australia (Đại học Tây Úc) thông qua việc nâng cao năng lực nghiên cứu của các nhà khoa học, giảng viên giảng dạy chuyên ngành.

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong lĩnh vực trao đổi sinh viên, giảng viên với các đối tác Nhật Bản (Đại học Kwansei Gakuin, Đại học Shizouka), Hàn Quốc (Đại học Woosong, Đại học Kwanghee), Trung Quốc (Đại học Quảng Tây, Đại học Công nghệ Hoa Nam, Đại học Dân tộc Quảng Tây), Đài Loan (Đại học Long Hoa, Đại học Nam Hoa),... theo cả hai chiều.

4.5.3. Đa dạng hóa và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác uy tín, có chất lượng trong khu vực và trên thế giới

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và uy tín của Trường. Ưu tiên lựa chọn các đối tác được xếp hạng top 600 (hoặc ngành được xếp hạng top 600) theo chuẩn xếp hạng THE.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học của nhiều nước ở nhiều châu lục nhằm học hỏi, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm đa dạng, phong phú, đặc biệt trong lĩnh vực trao đổi giảng viên và sinh viên. Đối với trao đổi giảng viên, xác định rõ những nhiệm vụ cụ thể cho các giảng viên được gửi ra nước ngoài là góp phần làm giàu nguồn tài liệu của Trường và giúp các giảng viên khác cập nhật kiến thức mới sau khi về lại Trường. Đối với trao đổi sinh viên, tích cực tìm kiếm các đối tác tiềm năng để triển khai chương trình trao đổi sinh viên một cách thiết thực, có hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ sinh viên quốc tế học tại trường và sinh viên học tập tại nước ngoài.

- Mở rộng quan hệ hợp tác đào tạo với các trường đại học của Anh, Úc, Canada, Mỹ đặc biệt đối với các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh bậc đại học; với các Hiệp hội nghề nghiệp quốc tế có uy tín cấp chứng chỉ nghề nghiệp hoặc tổ

chức các seminar, hội thảo nhằm tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho người học

- Tăng cường tổ chức các hội thảo quốc tế. Khuyến khích các đơn vị trong trường chủ động tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước, nhất là các đối tác nước ngoài phối hợp tổ chức hội thảo theo phân cấp của Nhà trường.

4.6. Nhân lực

4.6.1. Phát triển đội ngũ giảng viên

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trên cơ sở lộ trình thực hiện chiến lược phát triển nhà trường. Thường xuyên rà soát để xác định đội ngũ giảng viên trên cơ sở Chiến lược phát triển, Quy chế tổ chức và hoạt động và Đề án vị trí việc làm của Trường.

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng giảng viên theo lộ trình để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đảm bảo theo chuẩn qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Chuẩn hóa trình độ đội ngũ giảng viên theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qui định của Trường; từng bước nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ để đến năm 2025 đạt 50%; năm 2030 đạt 60%.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các trường đại học, các tổ chức quốc tế có mối quan hệ hợp tác với trường về việc chia sẻ/trao đổi/ đào tạo nâng cao trình độ với đội ngũ giảng viên nhà trường.

- Xây dựng chính sách và quy định về hợp đồng để thu hút giảng viên, nhà nghiên cứu là người nước ngoài ký kết hợp đồng làm việc với Nhà trường.

- Có chính sách phù hợp trong tuyển dụng giảng viên để thu hút các ứng viên có trình độ Tiến sĩ trở lên, có năng lực nghiên cứu và ngoại ngữ tốt, phù hợp với qui định pháp luật và quyền tự chủ của Nhà trường.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng, đào tạo – bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm, năng lực chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

- Nâng cao năng lực tiếng Anh của giảng viên. Phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực tiếng Anh tốt, phấn đấu đến năm 2025 ít nhất 20% giảng viên có khả năng giảng dạy các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh.

4.6.2. Phát triển đội ngũ viên chức và nhân viên phục vụ

- Thường xuyên rà soát để xác định qui mô, cơ cấu nhân sự các đơn vị chức năng và phục vụ trên cơ sở Chiến lược phát triển trường, Qui chế tổ chức và hoạt động và Đề án vị trí việc làm.

- Chuẩn hóa đội ngũ viên chức và nhân viên phục vụ về kiến thức, kỹ năng và thái độ phục vụ của yêu cầu phát triển của Nhà trường; đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và cung ứng dịch vụ đào tạo - nghiên cứu của giảng viên, người học và xã hội.

- Thực hiện việc rà soát, sắp xếp, điều chuyển, tuyển dụng mới đội ngũ viên chức và nhân viên phục vụ theo hướng tinh gọn, hiệu quả nâng cao chất lượng; giảm dần tỷ lệ giữa viên chức và nhân viên phục vụ trên giảng viên.

- Tiếp tục thực hiện việc cử viên chức quản lý, viên chức hành chính và nhân viên phục vụ tham gia các chương trình, lớp đào tạo – bồi dưỡng về chính trị, quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ khác để nâng cao chất lượng đội ngũ theo yêu cầu công tác.

- Tiếp tục rà soát lại các hoạt động chức năng, phục vụ trong Trường để xác định hoạt động chuyển sang thuê ngoài, từ đó duy trì số lượng viên chức, nhân viên phục vụ cơ hữu.

4.7. Cơ sở vật chất

- Đăng kí vốn đầu tư công và tăng cường mối quan hệ với các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng và chính quyền.

- Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở vật chất hàng năm và cân đối đảm bảo nguồn vốn triển khai kế hoạch.

- Tổ chức, triển khai các dự án, hạng mục đầu tư phát triển cơ sở vật chất

đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư, triển khai các hoạt động bảo hành, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định.

4.8. Tài chính

- Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đảm bảo nguồn thu đáp ứng yêu cầu tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; xây dựng và điều chỉnh chính sách thu hàng năm theo lộ trình tăng học phí. Bổ sung và hoàn thiện quy chế tài chính nội bộ phù hợp với mục tiêu cụ thể hàng năm.

- Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn (5 năm) giai đoạn 2021- 2025 và 2026- 2030 để thực hiện mục tiêu từng giai đoạn. Hàng năm xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính để điều hành các hoạt động tài chính của Nhà trường đáp ứng mục tiêu phát triển của từng năm và từng giai đoạn.

- Phát triển và đa dạng các nguồn thu tài chính để phục vụ cho sự phát triển của trường. Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu từ hoạt động đào tạo. Tăng cường năng lực nghiên cứu và chuyển giao hoạt động KH&CN để tăng nguồn thu hoạt động dịch vụ KH&CN. Tích cực huy động nguồn tài trợ từ chính phủ, các tổ chức, cá nhân và cựu người học để tăng cường nguồn thu xây dựng CSVC và hỗ trợ người học của Trường.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân trong Trường tích cực chủ động trong việc tạo nguồn thu, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động NCKH, liên kết thực hiện các dịch vụ tư vấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các tổ chức, doanh nghiệp và từ hoạt động khác trên cơ sở năng lực của đội ngũ.

- Xây dựng chính sách phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính đảm bảo nguyên tắc cân đối giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Đảm bảo thu nhập của giảng viên và viên chức hành chính tăng theo lộ trình. Chi cho hoạt động NCKH đảm bảo tỷ lệ chi theo hàng năm theo qui định, đặc biệt chú trọng

hoàn thiện chính sách hỗ trợ tài chính hợp lý cho hoạt động công bố quốc tế.

- Hoàn thiện chính sách sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo mục tiêu tăng cường năng lực của đội ngũ và mục tiêu phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2020-2025 và 2026-2030.

- Hàng năm đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính để đưa ra các giải pháp cải tiến đảm bảo tiết kiệm nguồn lực tài chính chống thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo đúng quy định. Công khai các khoản thu và mục thu, công khai báo cáo quyết toán hàng năm. Minh bạch trong sử dụng các nguồn tài chính cho viên chức người lao động và các bên liên quan.

4.9. Các giải pháp khác

- Xây dựng và đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh với hạt nhân lãnh đạo và có sức chiến đấu cao của cấp uỷ các cấp, sự tích cực, năng động, sáng tạo của các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội sinh viên, Chi hội Nữ tri thức. Bộ máy chính quyền trong Nhà trường hoạt động chất lượng, hiệu quả; chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện ý thức và bản lĩnh chính trị của đội ngũ giáo viên, chuyên viên và sinh viên.

- Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống và bản sắc của Nhà trường. Đẩy mạnh truyền thông nội bộ về việc thực hiện “Văn hóa TMU” thường xuyên, liên tục; làm cho các giá trị văn hóa của Trường thấm sâu vào vào từng cán bộ viên chức, vào mọi hoạt động chuyên môn, trong sinh hoạt và quan hệ giao tiếp, ứng xử tại mỗi đơn vị.

- Duy trì và phát triển các quan hệ và liên kết giữa Nhà trường, cộng đồng và doanh nghiệp; thiết lập và duy trì mối quan hệ giữa Nhà trường và các cựu người học một cách bài bản, chuyên nghiệp; từng bước cải tiến các thủ tục hành chính theo hướng tạo thuận lợi cho người học và các tổ chức cá nhân có liên quan đến giao dịch với Trường.

- Tiếp tục duy trì và phát triển tinh thần đoàn kết trong cộng đồng Nhà

trường; Đảm bảo sự công khai, công bằng trong các hoạt động và quản lý Nhà trường; Luôn đảm bảo lợi ích cao nhất của người học, của toàn thể cán bộ và giáo viên trong Trường.

- Tạo điều kiện để sinh viên được phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; thực hiện tốt chế độ, chính sách, thủ tục hành chính cho sinh viên, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên được phát huy tài năng, sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thích ứng với cơ chế thị trường.

HIỆU TRƯỞNG



GS, TS. Đinh Văn Sơn